TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 4 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ông Thị Xuân M, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Ông Thị Xuân M trình bày:

Trước đây, bà và ông Nguyễn Văn Ptự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, ông P không quan tâm vợ con nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn P1 (nam), sinh ngày 13/10/2005 và cháu Nguyễn Văn T (nam), sinh ngày 09/5/2007, hiện đang chung sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Phúc và cháu Toàn đến khi thành niên và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn Pđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Ông Thị Xuân M được ly hôn với ông Nguyễn Văn P; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Phúc (nam), sinh ngày 13/10/2005 và cháu Nguyễn Văn Toàn (nam), sinh ngày 09/5/2007 cho bà M nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông P chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Ông Thị Xuân M và ông Nguyễn Văn Pdo phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông P, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Pđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà Ông Thị Xuân M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông P, bà M.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà M và ông P tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa bà M và ông P phát sinh mâu thuẫn. Bà M cho

rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, ông P không quan tâm vợ con. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên bà M và ông P đã không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết, bà M xác định không còn tình cảm với ông P nên cương quyết ly hôn. Đối với ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và cũng không hòa giải đoàn tụ cho các bên đương sự. Đến thời điểm giải quyết vụ án các đương sự vẫn không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn và hiện ông P và bà M cũng đã ly thân. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông P.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M và ông P có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Phúc (nam), sinh ngày 13/10/2005 và cháu Nguyễn Văn Toàn (nam), sinh ngày 09/5/2007, hiện tại đang sống chung với bà M. Cháu Phúc và cháu Toàn có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại, chưa ghi nhận được ý kiến của ông P về yêu cầu nuôi con chung. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu Phúc, cháu Toàn và tôn trọng nguyện vọng của cháu nên giao hai cháu cho bà M nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà M không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông P chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà M khai là không có, nhưng do chưa làm việc được với ông P nên chưa xác định được. Do đó, chưa xem xét giải quyết.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà M cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Ông Thị Xuân M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ông Thị Xuân M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ông Thị Xuân M được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Giấy chứng nhận kết hôn số 159, ngày 11/9/2007 của Ủy ban nhân dân

xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà M và ông P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Phúc (nam), sinh ngày 13/10/2005 và cháu Nguyễn Văn Toàn (nam), sinh ngày 09/5/2007 cho bà Ông Thị Xuân M nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn Pchưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ông Thị Xuân M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số 0012316 ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà M đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên